

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 8 và 8 tháng năm 2018

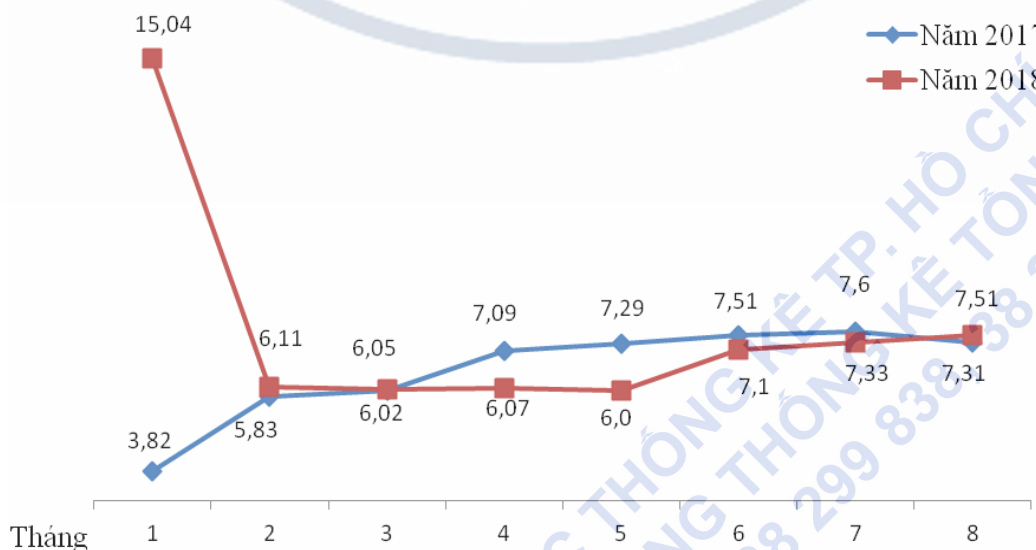
Kinh tế Thành phố qua 8 tháng đầu năm vẫn giữ đà tăng trưởng tích cực ở nhiều lĩnh vực trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu tác động từ việc Mỹ áp thuế nhập khẩu lên hàng hoá của Trung quốc; nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm do cam kết giảm giá các mặt hàng; tỷ giá USD tăng và thời tiết diễn ra không thuận lợi.

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 8 tăng 6,15% so với tháng trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 17,41%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,26%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,83%; ngành cung cấp và xử lý rác thải giảm 0,54%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,46% so với tháng 8/2017. Tính chung 8 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước** (mức tăng của năm 2017 là 7,31%). Trong đó, ngành khai khoáng giảm 17,36% ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,64%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,67%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,83%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 24/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng như: sản xuất giấy (+32,74%); sản xuất thiết bị điện (+20,66%); sản xuất phương tiện vận tải (+18,75%); sản xuất sản phẩm điện tử (+15,89%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+12%); sản xuất trang phục (+10,09%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+8,35%); da (+7%); đồ uống (+5,15%)...Ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất thuốc hóa dược (-1,22%); in ấn (-1,75%); sản xuất kim loại (-4,22%); sản xuất xe có động cơ (-9,42%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 8/2018 so với tháng 7/2018	8 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	106,15	107,51
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	117,41	82,64
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	106,26	107,64
3. SX và phân phối điện	104,83	108,67
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	99,46	106,83
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,61	108,56
2. Sản xuất đồ uống	101,82	105,15
3. Sản xuất trang phục	105,56	110,09
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,61	107,00
5. SX hóa chất và SP hóa chất	107,54	100,09
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	101,59	108,35
7. SP. từ khoáng phi kim loại	113,95	100,48
8. Sản xuất SP điện tử	115,00	115,89
9. Sản xuất thiết bị điện	106,75	120,66
10. Sản xuất xe có động cơ	127,58	90,58

TP.HCM đang tập trung phát triển công nghiệp, nhất là 4 ngành công nghiệp trọng điểm, tập trung nguồn lực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo nguồn vốn, mặt bằng và các chương trình hỗ trợ thiết thực như cải cách hành chính, vốn vay ngân hàng, cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư...Tình hình sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 8 tăng 6,94% so với tháng trước; tăng 7,1% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm tăng **8,31%** so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 7,32%;
- Ngành hóa dược tăng 3,66%;

- Ngành cơ khí tăng 10,13%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 15,89%, do có thị trường tiêu thụ ổn định và các doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 8 so so tháng 7	8 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	106,94	108,31
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	102,32	107,32
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	102,61	108,56
11-Sản xuất đồ uống	101,82	105,15
B-Ngành hóa dược	104,54	103,66
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	107,54	100,09
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,67	98,78
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	101,59	108,35
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	115,00	115,89
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	115,00	115,89
D-Nhóm ngành cơ khí	110,33	110,13
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	110,98	108,70
27-Sản xuất thiết bị điện	106,75	120,66
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	95,48	116,80
29-Sản xuất xe có động cơ	127,58	90,58
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	93,99	118,75

2 ngành truyền thống¹: Trong thời gian gần đây doanh nghiệp đã quan tâm nhiều đến khâu thiết kế, may mẫu và chào hàng, xây dựng chuỗi kết nối dệt – nhuộm – may để cung ứng cho nhau, giảm nhập khẩu nguyên liệu. Ngoài ra, các doanh nghiệp tự tái cơ cấu, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, giảm dần việc nhập nguyên liệu và đã xuất được nguyên vật liệu vào một số nước làm cho ngành dệt, may da giày tăng trưởng trở lại

Chỉ số sản xuất 8 tháng của nhóm ngành truyền thống tăng tăng 3,94% so với tháng trước; tăng 15,45% so tháng cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm tăng 9,03%, trong đó ngành dệt tăng 10,92%, ngành da giày tăng 7%, ngành may trang phục tăng 10,09%.

Về sản phẩm công nghiệp, đa số các sản phẩm chủ yếu sản xuất trong 8 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ. Những sản phẩm tăng cao: tivi đạt 7.901,93 nghìn cái, tăng 30,74%; sắt thép đạt 294,58 nghìn tấn, tăng 28,54%; đá xây dựng đạt 145,21 nghìn m³, tăng 20,25%; bao bì bằng plastic đạt 308,35 nghìn tấn, tăng 11,91%; vải đạt 92,49 triệu m², tăng 11,23%...

¹ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 8 tăng 3,31% so tháng trước và tăng 9,06% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 8 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 7,59% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất kim loại; dệt; trang phục...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/8 tăng 9,05% so với tháng trước và tăng 16,99% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng như sản xuất kim loại; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; da; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất thiết bị điện; sản xuất đồ uống... Bên cạnh đó có một số ngành giảm như sản xuất xe có động cơ; sản xuất thuốc, hóa dược; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Vụ hè thu: Tổng diện tích gieo trồng vụ hè thu ước đạt 9.815,0 ha, giảm 5,2% so tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

– Diện tích gieo trồng lúa ước đạt 5.554,8 ha, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước; chủ yếu do diện tích lúa giảm tại huyện Củ Chi và huyện Bình Chánh. Năng suất lúa hè thu ước đạt 45,5 tạ/ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ; sản lượng lúa đạt 25.261,4 tấn, giảm 8,1% so cùng kỳ.

– Rau 2.343,7 ha, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, năng suất ước tăng 7,1%, sản lượng ước đạt 76.453 tấn, tăng 6,3%, diện tích rau các loại giảm chủ yếu ở Quận 12 và huyện Hóc Môn.

– Diện tích một số loại cây trồng khác có xu hướng giảm hoặc tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước như bắp 143,3 ha, giảm 2,8%; khoai mì 284,4 ha, tăng 46,9%, đậu phộng 39,0 ha, giảm 19,9%...

Vụ mùa: Diện tích rau các loại 7.174,9 ha, tăng 1,1% so cùng kỳ; hoa cây cảnh 1.403,3 ha, tăng 6,8% so cùng kỳ. Diện tích mía 1.800 ha, giảm 7,9%, chủ yếu giảm do chuyển đổi sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Chăn nuôi: Tình hình dịch tễ ổn định, không phát hiện dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Số lượng đàn trâu, bò ước tính 131.835 con, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên đàn bò sữa giảm 0,2%. Tổng đàn heo trong tháng ước có 277.779 con, giảm 0,1%; đàn gia cầm 415,1 ngàn con, tăng 4,3%. Giá bán thịt heo trong quý II đã tăng cao trở lại, người chăn nuôi có động lực khôi phục đàn heo thịt trở lại.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.864 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,14%.

Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra 116 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; 53 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 205 cơ sở.

Lũy kế 8 tháng: kiểm tra 696 lượt phòng cháy chữa cháy rừng; 380 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 1.155 đơn vị

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 8 ước 5.446 tấn, tăng 3,1% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác 1.576 tấn, giảm 1,8%; nuôi trồng 3.870 tấn, tăng 5,3%.

Lũy kế 8 tháng, sản lượng thủy sản ước 38.103,8 tấn, tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Sản lượng thủy sản khai thác 11.095,7 tấn, giảm 13,4%. Trong đó: sản lượng khai thác thủy sản biển giảm 15,6% (cá đạt 6.492,0 tấn, giảm 8,9%; tôm 1.259 tấn, giảm 21,4%; thủy sản khác 1.779,6 tấn, giảm 30,8%), sản lượng khai thác thủy sản nội địa tăng 3,2% so cùng kỳ.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng 27.008,1 tấn, tăng 11,4%, mức tăng này chủ yếu do nuôi trồng các loại thủy sản khác (trừ cá, tôm) đạt 14.131 tấn, tăng 22,2% so với cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/8, có 388 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 117,93 triệu con giống trên diện tích 3.360,8 ha. So cùng kỳ diện tích tăng 7,77%, con giống tăng 3,35%.

Tôm thẻ chân trắng có 1.539 lượt hộ thả nuôi với 439,28 triệu con giống trên diện tích 1.143,27 ha.

Dịch bệnh trên tôm: từ đầu năm đến nay, có 79 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 56,8 ha làm thiệt hại 19,93 triệu con giống; có 28 hộ với 12,16 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố 8 tháng ước thực hiện 224.404,4 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, (8 tháng năm 2017 tăng 10,8%), so kế hoạch năm đạt 57,1%. Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 8 ước thực hiện 2.213,8 tỷ đồng so với tháng trước tăng nhẹ 1,0%, so với tháng cùng kỳ tăng khá cao 40,7%. Lũy kế 8 tháng ước đạt 12.723,9 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 13,8%, cao hơn cùng kỳ năm trước (8 tháng năm 2017 tăng 6,2%).

Cấp thành phố 8 tháng ước đạt 7.629,2 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 24,3%, so kế hoạch năm đạt 44,9%; cấp quận/huyện 8 tháng ước đạt 5.094,7 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 0,8%, đạt 41,3% so kế hoạch năm.

Vốn đầu tư xây dựng 8 tháng ngân sách địa phương

	8 tháng (tỷ đồng)	(%) So với cùng kỳ 2017
Tổng vốn đầu tư	12.723,9	113,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	369,5	121,3
Cấp thành phố	7.629,2	124,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	354,2	1,8 lần
Cấp quận huyện	5.094,7	101,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	15,3	13,9

Tình hình chung 8 tháng khối lượng thực hiện vốn ngân sách so với kế hoạch đạt còn thấp 43,9%. Nếu tính đến cuối năm còn 4 tháng phải thực hiện 56,1% kế hoạch vốn, đây là một áp lực rất lớn mà các Sở, ngành và các ban quản lý dự án cần phải khẩn trương thực hiện kế hoạch nói trên.

Tình hình thực hiện một số dự án lớn trong tháng như:

+ Bờ tả sông Sài Gòn từ cầu Ngang đến khu đô thị mới Thủ Thiêm, kế hoạch vốn năm 158 tỷ đồng, tám tháng ước đạt 137,5 tỷ đồng;

+ Xây dựng mới bệnh viện nhi đồng thành phố, kế hoạch vốn năm 1.345,3 tỷ đồng, 8 tháng ước đạt 285,7 tỷ đồng;

+ Xây dựng bệnh viện ung bướu tại Quận 9, kế hoạch vốn năm 1.534,8 tỷ đồng, 8 tháng ước đạt 115,8 tỷ đồng;

+ Hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn từ sông Lô đến rạch Bà Bép, kế hoạch vốn năm 80 tỷ đồng, 8 tháng ước đạt 75 tỷ đồng;

+ Bồi thường giải phóng mặt bằng tuyến metro số 2 trên địa bàn quận 3, kế hoạch vốn năm 300 tỷ đồng, 8 tháng ước đạt 295 tỷ đồng;

+ Bệnh viện đa khoa huyện Cần Giò, kế hoạch vốn năm 120 tỷ đồng, 8 tháng ước đạt 115 tỷ đồng;

Ngoài các dự án trên, còn nhiều dự án trường học có khối lượng thực hiện cao để phục vụ cho năm học 2018-2019, tập trung chủ yếu ở những quận, huyện đông dân cư như: Bình Tân, Bình Chánh, Tân Phú, Củ Chi.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

a. Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao thông Nguyễn Thái Sơn – Nguyễn Kiệm:

- Gói thầu xây dựng phần đường song hành: Tam ngưng do vướng mặt bằng;
- Gói thầu xây dựng nhánh cầu đường Nguyễn Kiệm phía công viên Gia Định cắt đường Nguyễn Thái Sơn và toàn bộ phần đường song hành trên đường Nguyễn

Kiểm phía công viên Gia Định, phần đường mở rộng tạm ngưng thi công do vướng mặt bằng (đất quốc phòng).

b. Xây dựng hầm chui tại nút giao thông An Suông: Đang thi công (giai đoạn 2) nhánh N2

– Hiện đang thi công phía đường Trường Chinh, còn phía huyện Hóc Môn đang giải tỏa;

– Phần giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn còn chậm làm ảnh hưởng tiến độ thi công.

c. Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên:

- Tiếp tục hoàn thiện phần lan can và các nhà ga trên toàn tuyến;
- Đang hoàn thiện lắp ráp đường ray trên các đoạn đã hoàn chỉnh;
- Dự kiến khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 58%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/7, toàn thành phố đã cấp 38.209 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 7.728,2 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 36.699 giấy phép, với diện tích 7.548,2 ngàn m² và 1.510 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 180,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 4,3% về giấy phép (+ 1.565) và tăng 8,2% về diện tích (+ 583,6 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/8/2018, Thành phố đã có 618 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 542,4 triệu USD, tăng 20% về giấy phép và giảm 31,2% về vốn đăng ký so với năm 2017.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 168 dự án, vốn đạt 464,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 15/8 đạt 1.007,1 triệu USD, bằng 73% so với cùng kỳ năm trước.**

Góp vốn, mua cổ phần có 1.876 trường hợp, tổng vốn đạt 4.095,8 triệu USD, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: 100% vốn nước ngoài có 560 dự án, vốn đăng ký đạt 511,5 triệu USD (chiếm 94,3%); liên doanh 57 dự án, vốn đạt 30,9 triệu USD (chiếm 5,7%); hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 6 ngàn USD.

Theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 28 dự án, vốn đầu tư đạt 134,9 triệu USD (chiếm 24,9%); hoạt động kinh doanh bất động sản 24 dự án, vốn đạt 128,7 triệu USD (chiếm 23,7%); thương mại 223 dự án, vốn đầu tư 113,7 triệu USD (chiếm 21%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 158 dự án, vốn đầu

tư 80,3 triệu USD (chiếm 14,8%); thông tin và truyền thông 89 dự án, vốn đầu tư 31,9 triệu USD (chiếm 5,9%); xây dựng 33 dự án, vốn đầu tư 31,6 triệu USD (chiếm 5,8%); vận tải kho bãi 23 dự án, vốn đầu tư 12,2 triệu USD (chiếm 2,3%).

Theo đối tác đầu tư: có 49 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với 125 dự án, vốn đầu tư đạt 155,9 triệu USD, chiếm 28,7% tổng vốn cấp mới. Kế đến là Singapore 97 dự án, vốn đầu tư 113 triệu USD, chiếm 20,8%; Na Uy 3 dự án, vốn đầu tư 70,1 triệu USD, chiếm 12,9%; Nhật Bản 97 dự án, vốn đầu tư 53,4 triệu USD, chiếm 9,8%; Hồng Kông 32 dự án, vốn đầu tư 35,5 triệu USD, chiếm 6,6%; British Virgin Islands 9 dự án, vốn đầu tư 28,6 triệu USD; Anh 19 dự án, vốn đầu tư đạt 28,2 triệu USD; Hoa Kỳ 31 dự án, vốn đầu tư 16,3 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/8/2018, thành phố đã cấp phép cho 27.454 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 345.115 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 5,5%, vốn giảm 2,1%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng là giấy phép là 19.544, chiếm 71,2%, tăng 6,5% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 243.227 tỷ đồng, giảm 9,6%.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 23.858 doanh nghiệp, tăng 5,7%; vốn đăng ký đạt 150.574 tỷ đồng, giảm 19,3%. Công ty cổ phần có 3.330 đơn vị, tăng 7,4%; vốn đăng ký 194.386 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 261 đơn vị, giảm 27,9%; vốn đăng ký đạt 152 tỷ đồng, vốn giảm 38,5%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng cấp phép là 122 đơn vị, giảm 17,6%; vốn đăng ký đạt 4.720 tỷ đồng, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 5.609 doanh nghiệp, tăng 0,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 88.922 tỷ đồng, tăng 29,7%. Trong đó, xây dựng 2.834 đơn vị, tăng 6%; vốn đạt 37.651 tỷ đồng, giảm 22,6%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 2.612 giấy phép, giảm 5,4%; vốn đăng ký 43.594 tỷ đồng, gấp 3,3 lần so với cùng kỳ.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** có 21.723 doanh nghiệp được cấp phép, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 251.473 tỷ đồng, giảm 11,1%. Trong đó, dẫn đầu khu vực này là **hoạt động kinh doanh bất động sản** có 1.935 đơn vị, vốn đăng ký đạt 141.186 tỷ đồng, chiếm 56,1% tổng vốn khu vực thương mại dịch vụ và chiếm 40,9% tổng vốn doanh nghiệp được cấp phép; so với cùng kỳ năm trước, giấy phép tăng 26,6% và vốn giảm 2,3%. Kế đến là **thương mại** 10.208

đơn vị, tăng 3%; vốn đăng ký đạt 49.634 tỷ đồng (chiếm 19,7% tổng vốn khu vực), giảm 12,7%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ** 2.676 đơn vị, tăng 6,1%; vốn đăng ký 14.949 tỷ đồng (chiếm 5,9%), giảm 45,6% so với cùng kỳ năm trước.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Trong 7 tháng đầu năm, trên địa bàn thành phố đã có 2.075 doanh nghiệp giải thể, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước; 4.142 doanh nghiệp ngừng hoạt động, tăng 6,2%; 503 doanh nghiệp chuyển đi tỉnh thành khác, tăng 22,1% so với cùng kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Trong tháng, hoạt động thương mại và dịch vụ giảm nhẹ so với tháng trước, do ảnh hưởng thời tiết mưa nhiều và người tiêu dùng có tâm lý ngại đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị lớn trong tháng 7 âm lịch; bên cạnh đó, đây cũng là thời điểm kết thúc kỳ nghỉ hè – mùa du lịch, nhu cầu về các hoạt động vui chơi giải trí giảm. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8 dự ước đạt 85.973 tỷ đồng, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 14,5% so với tháng cùng kỳ năm trước.** Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 54.526 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.862 tỷ đồng, tăng 19,7%; du lịch, lữ hành 1.998 tỷ đồng, tăng 11,7%; dịch vụ khác ước đạt 19.587 tỷ đồng, tăng 15,2%.

So với cùng kỳ năm trước, doanh thu thương mại, dịch vụ 8 tháng tiếp tục có mức tăng khá, công tác bình ổn thị trường phát huy được hiệu quả, mạng lưới ngày càng được mở rộng, giá cả duy trì ổn định; các hệ thống phân phối hiện đại tăng cả lượng và chất. Ngoài ra, sự phát triển của khu vực đầu tư nước ngoài tác động mạnh đến khu vực trong nước, tạo sự cạnh tranh, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước cải thiện sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng, phong phú của người dân trên địa bàn.

Lũy kế 8 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 679.845 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước.

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước đạt 43.967 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 533.410 tỷ đồng, tăng 12,1%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 102.468 tỷ đồng, tăng 20,6%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** ước đạt 436.580 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 75.542 tỷ đồng, tăng 13,6%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 84.815 tỷ đồng, tăng 13%; xăng dầu các loại đạt 37.219 tỷ đồng, tăng 13,5%; nhóm hàng may mặc đạt 29.342 tỷ đồng, tăng 12,7%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 74.729 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 66.246 tỷ đồng, tăng 13,4%; dịch vụ lưu trú 8.483 tỷ đồng, tăng 16,4%.

– **Du lịch, lữ hành:** ước đạt 13.934 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu ước đạt 154.602 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 93.947 tỷ đồng, chiếm 60,8%, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2018 tăng 0,48% so tháng trước.

– **7 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước, bao gồm:**

+ *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,84% so tháng trước. Trong đó, nhóm lương thực giảm 0,30%, nhóm thực phẩm tăng 0,49%; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,76%.

+ *Nhóm nhà ở điện nước* tăng 0,75%; đây là nhóm có chỉ số tăng cao xếp thứ hai sau nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống trong tháng. Riêng giá gas tăng khá và dầu hỏa tăng nhẹ với mức tăng lần lượt 2,41% và 0,70%, ngoài ra trong tháng giá nhà ở thuê tăng 0,88% so tháng trước do tháng 8 là tháng chuẩn bị bước vào mùa khai giảng năm học mới.

+ *Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình* tăng 0,21%;

+ *Nhóm giao thông* tăng 0,27%, chủ yếu do tác động của hai lần điều chỉnh giá xăng dầu ngày 07/8 và 22/8, theo đó qua hai lần điều chỉnh giá bình quân dầu diesel tăng 0,63%, riêng giá xăng không thay đổi; bên cạnh đó, một số dịch vụ như bảo dưỡng sửa chữa xe máy (+2,10%), dịch vụ rửa xe (+0,86%), riêng cước tàu hỏa và cước taxi cũng được điều chỉnh giảm nhẹ trong tháng với mức giảm lần lượt: (-3,31%, -0,99%).

+ *Nhóm giáo dục* tăng 0,10%; trong đó, nhóm đồ dùng học tập và văn phòng phẩm giảm 0,41%, học phí giáo dục tăng nhẹ 0,14%;

+ *Nhóm văn hóa giải trí và du lịch* (+0,13%);

+ *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* (+0,46%);

– **3 nhóm giảm so tháng trước:** Nhóm may mặc mũ nón giày dép (-0,77%) ; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (-0,12%); Nhóm bưu chính viễn thông (-0,05%).

– **1 nhóm không biến động:** Nhóm đồ uống và thuốc lá.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8/2018 so với cùng kỳ và so với tháng 12 năm trước có mức tăng lần lượt là +3,51% và +1,72%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 8 tháng đầu năm 2018 tăng 2,89%.

Chỉ số giá vàng tháng 8/2018 giảm 0,19% so với tháng trước, tăng 0,8% so với tháng 12/2017 và tăng 1,21% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,18% so với tháng trước, tăng 2,47% so với tháng 12/2017 và tăng 2,41% so với tháng cùng kỳ năm trước.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 8 năm 2018 đạt 3.480,3 triệu USD, tăng 7,3% so tháng trước. **Ước tính 8 tháng đạt 24.659,9 triệu USD, tăng 6,0% so cùng kỳ.**

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 8 tháng ước đạt 22.974,6 triệu USD.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 8 đạt 3.206,9 triệu USD, tăng 8,2% so tháng trước. Ước tính 8 tháng đạt 22.539,0 triệu USD, tăng 4,0% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước 8 tháng đạt 20.853,7 triệu USD, tăng 6,2% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 2.299,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,2%, giảm 10,1%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 7.430,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 33,0%, tăng 4,6%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12.809,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,8%, tăng 6,6%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 4.146,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,4%, giảm 1,3% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Hoa Kỳ với 3.761,9 triệu USD, chiếm 16,7%, giảm 3,6%; thứ 3 là Nhật Bản với 2.251,0 triệu USD, chiếm 10,0%, tăng 9,4%; kế tiếp là Hồng Kông với 1.233,2 triệu USD, chiếm 5,5%, tăng 39,6%; Hàn Quốc với 1.123,0 triệu USD, chiếm 5,0%, tăng 5,0% so cùng kỳ.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

3. Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản đạt 3.468,2 triệu USD, giảm 0,3% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 16,6%. Trong đó:

+ Gạo đạt 609,8 triệu USD, tăng 6,9%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 511,5 ngàn tấn, giảm 21,1%.

+ Cà phê đạt 537,1 triệu USD, giảm 3,1% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 314,2 ngàn tấn, tăng 2,8%.

+ Cao su đạt 346,2 triệu USD, giảm 24,9% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 165,9 ngàn tấn, giảm 15,2%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 613,5 triệu USD, tăng 16,1%.

+ Hàng lâm sản đạt 366,2 triệu USD, tăng 6,5%.

4. **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 15.775,6 triệu USD, tăng 8,5% và chiếm tỷ trọng 75,6%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 6.069,4 triệu USD, tăng 12,8% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 29,1% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô.

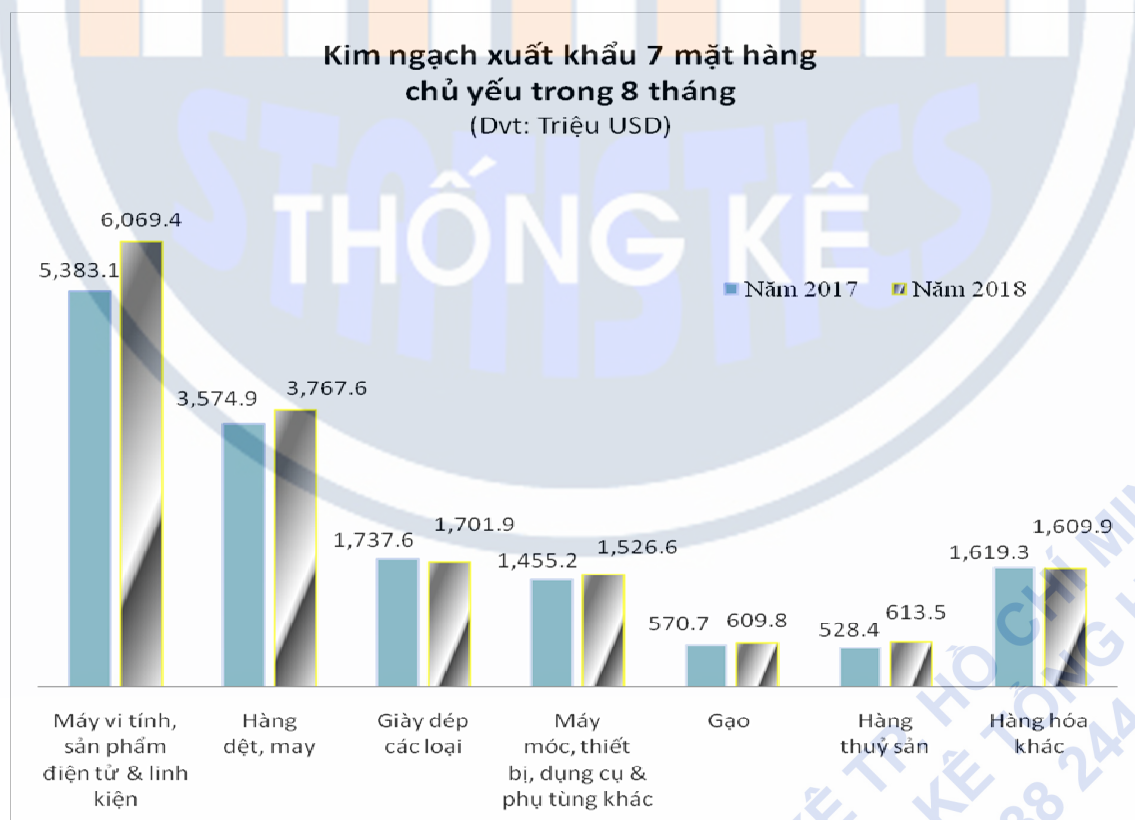
+ Hàng dệt, may ước đạt 3.767,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,1%, tăng 5,4% so cùng kỳ.

+ Hàng giày dép ước đạt 1.701,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,2%, giảm 2,0% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 1.526,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,3%, tăng 4,9% so cùng kỳ.

5. **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.609,9 triệu USD, giảm 0,6%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 2.985,2 ngàn tấn, giảm 41,1%; về trị giá đạt 1.685,3 triệu USD, giảm 17,4% so cùng kỳ.



2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 8 đạt 4.114,8 triệu USD, tăng 6,2% so tháng trước. **Ước tính 8 tháng đạt 30.680,0 triệu USD, tăng 9,6% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 8 ước đạt 3.534,7 triệu USD, tăng 7,7% so tháng trước. Ước tính 8 tháng đạt 26.460,3 triệu USD, tăng 10,2% so cùng kỳ. Chia ra:

- + Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.200,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,5%, giảm 4,2%.

- + Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 13.986,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 52,9%, tăng 12,9%.

- + Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.273,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 42,6%, tăng 8,8%;

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 8.591,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 32,5%, tăng 25,7% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Singapore với 2.204,2 triệu USD, chiếm 8,3%, tăng 9,9%; vị trí thứ 3 là Hàn Quốc với 2.161,5 triệu USD, chiếm 8,2%, tăng 4,7%; vị trí thứ 4 là Thái Lan với 1.667,9 triệu USD, chiếm 6,3%, tăng 9,4%; vị trí thứ 5 là Nhật Bản với 1.465,9 triệu USD, chiếm 5,5%, tăng 9,4% so cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 8 tháng năm 2018:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 5.769,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,8%, tăng 1,7% so cùng kỳ.

- + Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 3.775,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 14,3%, tăng 24,8%.

- + Vải các loại: nhập 1.658,8 triệu USD, tăng 8,5%.

- + Chất dẻo nguyên liệu: nhập 1.351,8 triệu USD, tăng 10,1%.

- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày: nhập 485,0 triệu USD, giảm 1,1%.

- + Sắt thép các loại: nhập 1.707,6 ngàn tấn, giảm 36,2%; kim ngạch đạt 1.056,2 triệu USD, tăng 8,0%.

- + Dược phẩm đạt 952,1 triệu USD, tăng 1,5%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và bốc xếp tháng 8 ước đạt 9.296,5 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước, so với tháng cùng kỳ tăng 11,0%. Ước tính 8 tháng 71.661,8 tỷ đồng, tăng 12,8% so cùng kỳ 2017.

6. Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 8 ước đạt 5.478,1 tỷ đồng, tăng 2,6% so tháng trước. Lũy kế 8 tháng ước đạt 42.745,2 tỷ đồng, tăng 9,1% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,9%, tăng 10,6% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 6,4%, bằng 89,3% so cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 41,7%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 8 tháng chiếm tỷ trọng 60,4%, tăng 9,2% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 29,6%, tăng 9,3% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 9,8%, tăng 7,6% và đường hàng không chiếm tỷ trọng 0,2%, tăng 19,9%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 8 tháng

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2017	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	42.745,2	19.223,8	109,1	121,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.722,9	239,7	89,3	109,5
Kinh tế ngoài nhà nước	39.729,9	14.128,5	110,6	119,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	292,4	4.855,6	141,7	129,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	25.799,4	14.370,7	109,2	119,1
Đường sông	4.172,8	232,1	107,6	102,9
Đường biển	12.667,2	-	109,3	-
Đường hàng không	105,8	4.621,0	119,9	130,8

7. Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 8 ước 2.673,5 tỷ đồng, bằng 98,6% so tháng trước. Lũy kế 8 tháng ước đạt 19.223,8 tỷ đồng, tăng 21,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 73,5%, tăng 19,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 25,3%, tăng 29,4% và khu vực Nhà nước chiếm tỷ trọng 1,2%, tăng 9,5%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 8 tháng chiếm tỷ trọng 74,7%, tăng 19,1% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm tỷ trọng 24,1%, tăng 30,8% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 1,2%, tăng 2,9%.

8. Bốc xếp: Doanh thu tháng 8 ước đạt 1.144,9 tỷ đồng, tăng 1,7% so tháng trước. Tám tháng ước 9.692,8 tỷ đồng, tăng 13,7% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 54,8%, tăng 20,8% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 45,2%, tăng 6,0% so cùng kỳ.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2018 ước thực hiện 245.701 tỷ đồng, đạt 65,2% dự toán, tăng 10,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 162.386 tỷ đồng, đạt 63,4% dự toán, tăng 14,8% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 15.982 tỷ đồng, đạt 127,1% dự toán, tăng 45,6% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 67.260 tỷ đồng, đạt 62,3% dự toán, giảm 4,5% so cùng kỳ.

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,1% tổng thu nội địa, tăng 15,1% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 11.511 tỷ đồng, đạt 62,6% dự toán, tăng 13,7% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 4.889 tỷ đồng, đạt 64,3% dự toán, tăng 18,6% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 42.285 tỷ đồng, đạt 66,1% dự toán, tăng 27,7% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 40.462 tỷ đồng, đạt 53,9% dự toán, tăng 6,0% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	245.701	65,2	110,3
I- Thu nội địa	256.210	162.386	63,4	114,8
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	16.401	63,1	115,1
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	42.285	66,1	127,7
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	40.462	53,9	106,0
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	67.260	62,3	95,5
III- Thu từ dầu thô	12.570	15.982	127,1	145,6

Thu cân đối ngân sách địa phương 8 tháng năm 2018 ước thực hiện 52.282 tỷ đồng, đạt 67,3% dự toán, tăng 10,5% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 8 tháng năm 2018 ước thực hiện 34.127 tỷ đồng, đạt 39,3% dự toán, tăng 0,4% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	34.127	39,3	100,4
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	12.440	34,4	82,9
II- Chi thường xuyên	36.500	19.697	54,0	106,6
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	2.555	40,7	99,6
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	6.294	55,9	115,4
Sự nghiệp y tế	2.176	997	45,8	81,0
Quản lý hành chính	6.362	3.610	56,7	109,1

Chi đầu tư phát triển 12.440 tỷ đồng, đạt 34,4% dự toán, giảm 17,1% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 19.697 tỷ đồng, đạt 54,0% dự toán, tăng 6,6% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.555 tỷ đồng, đạt 40,7% dự toán, giảm 0,4%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.294 tỷ đồng, đạt 55,9% dự toán, tăng 15,4%; chi sự nghiệp y tế 997 tỷ đồng, đạt 45,8% dự toán, giảm 19,0%; chi quản lý hành chính 3.610 tỷ đồng, đạt 56,7% dự toán, tăng 9,1% so cùng kỳ 2017.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 8 đạt 2.135,54 ngàn tỷ đồng, giảm nhẹ 0,01% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,69%); tăng 12,97% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 52,24% tổng vốn huy động, tăng 11,78% so tháng cùng

kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 48,39% tổng vốn huy động, tăng 4,36% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,28%, tăng 6,1% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,72%; tăng 13,9% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 8 đạt 1.937,36 ngàn tỷ đồng, tăng 18,5% so với tháng cùng kỳ và tăng 10% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.019,57 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,63% tổng dư nợ, tăng 14,9% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 176,11 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,09% tổng dư nợ, tăng 14,17% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.761,25 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,91% tổng dư nợ, tăng 18,95% so với tháng cùng kỳ.

3. Chứng khoán

Đến cuối tháng 07 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 364 gồm 360 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; không thay đổi về số lượng so với cuối tháng trước (ngày 06/07/2018 hủy niêm yết mã cổ phiếu STT của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist; ngày 24/07/2018 mã cổ phiếu HPX của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát giao dịch phiên đầu tiên; mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này: VIC11724, VIC11725 của Tập đoàn VINGROUP - Công ty Cổ phần).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.040.885 tỷ đồng, tăng 16,32% so với cuối năm 2017. Trong tháng 07/2018 có 22 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. VN-Index giảm ở đầu tháng và tăng về cuối tháng. Trong tháng 07, VN-Index thiết lập đáy mới kể từ đầu năm vào các ngày: 03, 05, 11. Đến cuối tháng 07/2018, VN-Index đạt 956,39 điểm, giảm 2,83% (tương ứng giảm 27,85 điểm) so với cuối năm 2017.

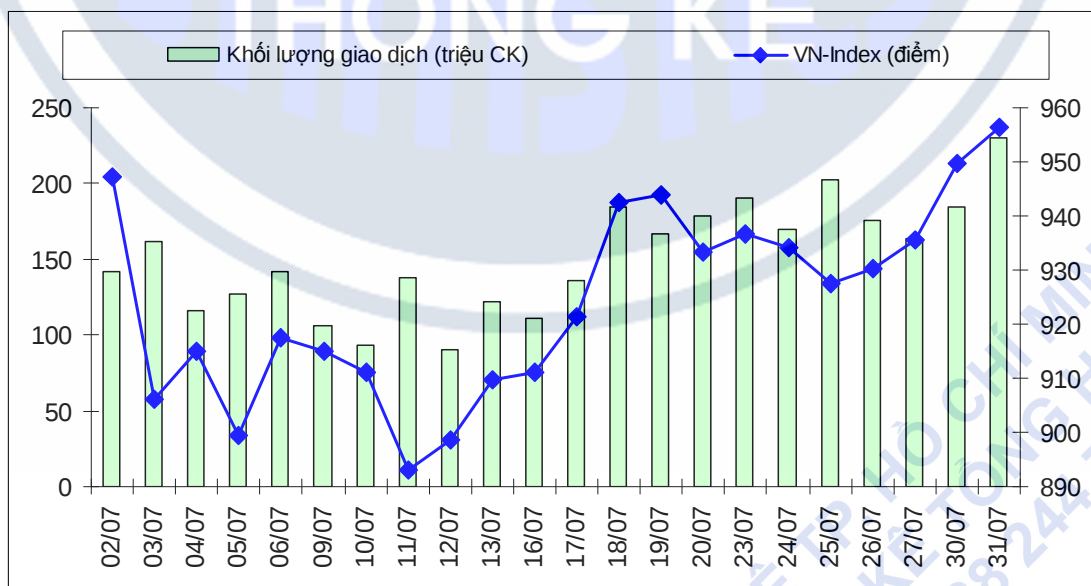
Khối lượng giao dịch trong tháng 07/2018 đạt 3.805,24 triệu chứng khoán, tăng 7,48% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 84.979,72 tỷ đồng, giảm 18,39% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 172,97 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 3.862,71 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 2,60% và giá trị giao dịch giảm 22,10% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 07/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 11/07 với 893,16 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 09/04 với 1.204,33 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 07/2018	7 tháng năm 2018	Tháng 07 so tháng 06	7 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.805,24	30.278,19	107,48	112,55
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.755,22	29.730,06	107,83	111,18
Trái phiếu	30,43	150,43	115,52	144,34
Chứng chỉ quỹ & ETF	19,59	397,70	62,17	670,88
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.329,80	25.729,25	116,89	106,28
Giao dịch thỏa thuận	475,44	4.548,94	68,74	168,79
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	84.979,72	904.023,44	81,61	165,10
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	81.548,91	881.687,07	80,78	164,50
Trái phiếu	3.145,30	15.513,18	117,79	142,82
Chứng chỉ quỹ & ETF	285,51	6.823,19	57,31	951,94
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	68.719,88	701.238,23	88,68	150,07
Giao dịch thỏa thuận	16.259,84	202.785,21	61,04	252,57

Đồ thị VN-Index tháng 07/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/08/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 365. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.068.553 tỷ đồng, tăng 17,38% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 961,37 điểm, giảm 22,87 điểm (tương ứng giảm 2,32%) so với cuối năm 2017.

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/6/2018 đến ngày 15/7/2018)

1.1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Lĩnh vực kinh tế: khám phá 72 vụ/62 đối tượng vi phạm về kinh tế, gồm: 12 vụ/11 đối tượng kinh doanh hàng hóa không hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không tem phụ; 22 vụ/21 đối tượng vận chuyển, buôn bán hàng ngoại nhập lậu; 17 vụ/09 đối tượng vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh hàng ngoại nhập lậu; 07 vụ/07 đối tượng kinh doanh không phép, không đúng nơi đăng ký kinh doanh, không đúng thời gian quy định; 04 vụ/04 đối tượng sản xuất, kinh doanh hàng giả nhãn hiệu các loại, hàng kém chất lượng; 03 vụ/03 đối tượng kinh doanh trốn thuế; 02 vụ/02 đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 05 vụ/05 đối tượng vi phạm khác. Đã khởi tố mới: 27 vụ/05 bị can; đề nghị truy tố: 01 vụ/01 bị can. Thu giữ hàng hóa trị giá trên 98 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: lập 14 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi. Đề xuất ra quyết định ban hành 69 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu về ngân sách khoảng 7,4 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự

Trong tháng xảy ra 410 vụ phạm pháp hình sự tăng 5,1% (+20 vụ) so với cùng kỳ năm 2017; làm chết 08 người, bị thương 46 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13,7 tỷ đồng. Trong đó, có 03 loại án được kéo giảm gồm: giết người (-06 vụ); chống người thi hành công vụ (-03 vụ); trộm tài sản (-12 vụ). Tuy nhiên, có 06 loại án tăng gồm: cướp tài sản (+07 vụ); cố ý gây thương tích (+14 vụ); bắt giữ trái pháp luật (+04 vụ); cướp giật tài sản (+04 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản (+09 vụ) và loại án khác (+01 vụ).

Trong cơ cấu tội phạm thì các vụ án xâm phạm sở hữu tiếp tục vẫn chiếm tỷ lệ cao chiếm 82,4%, trong đó án cướp tài sản xảy ra 20 vụ, án cướp giật xảy ra 71 vụ và án trộm tài sản xảy ra 221 vụ.

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 272 vụ (đạt 66,3%) và bắt 308 người vi phạm. Các loại án có tỷ lệ khám phá cao như: Giết người, hiếp dâm, giao cấu trẻ em, cưỡng đoạt tài sản, chống người thi hành công vụ (đạt 100%). Bắt, vận động đầu thú và thanh loại 27 đối tượng có lệnh truy nã (trong đó bắt 22 tên, vận động đầu thú 03 tên và thanh loại 02 tên).

1.3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: khám phá 142 vụ/453 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ khoảng 44,5475 gram và 179 bánh heroin; 3,54 kilogram và 1.000 viên MTTH; 05 khẩu súng, 55 viên đạn; 03 ô tô, 81 xe gắn máy; 141 điện thoại di động; thu khoảng 424 triệu đồng

và nhiều công cụ, phương tiện phục vụ cho hoạt động phạm tội. Đã khởi tố 121 vụ với 162 người vi phạm; xử lý hành chính 21 vụ với 291 người vi phạm.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: phát hiện, xử lý 05 vụ với 18 đối tượng hoạt động mại dâm; xử lý 48 vụ với 285 đối tượng tổ chức và tham gia đánh bạc (trong đó có 26 vụ với 187 đối tượng cá độ bóng đá), thu khoảng 1,1 triệu đồng và nhiều công cụ, phương tiện phục vụ cho hoạt động phạm tội.

1.4. Trật tự an toàn giao thông

Về tai nạn giao thông đường bộ: xảy ra 274 vụ, làm chết 54 người, bị thương 189 người. Trong đó, có 59 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 13,2% (-09 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Hậu quả làm chết 54 người, bị thương nặng 21 người và 215 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 168 người, hư hỏng 412 xe các loại. Trong tháng không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Về tình hình tai nạn giao thông đường thủy: kiểm tra 3.785 phương tiện, phát hiện 3.595 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt khoảng 1,3 tỷ đồng. Trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn trên tuyến luồng hàng hải sông Sài Gòn, làm 02 người chết hư hỏng 01 sà lan và 01 va chạm trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người, hư hỏng 01 ghe gỗ.

1.5. Về tình hình cháy, nổ

Tình hình cháy: đã xảy ra 46 vụ cháy tăng 39,4% (tăng 13 vụ so với cùng kỳ năm trước). Hậu quả làm chết 02 người, bị thương 06 người, thiệt hại về tài sản khoảng 276 triệu đồng (có 17 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân gây ra cháy phổ biến nhất là do sự cố hệ thống, thiết bị sử dụng điện (20 vụ).

Trong tháng, xảy ra 01 vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng vào 23/6/2018 tại Cửa hàng tạp hóa Lê Nguyễn (địa chỉ 4/6B đường Trần Văn Mười, ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn); vụ cháy làm 02 người chết; thiệt hại tài sản chưa ước tính được thành tiền, nguyên nhân đang được điều tra làm rõ.

Tình hình nổ: trên địa bàn thành phố xảy ra 01 vụ nổ, vụ nổ làm 02 người bị thương, thiệt hại tài sản hiện chưa ước tính được thành tiền.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Kết quả giải quyết việc làm: Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/7/2018, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 23.522 lao động vào làm việc và 19.205 chỗ việc làm mới tạo ra.

Trong 8 tháng đầu năm 2018, đã có 224.978 lượt người được giải quyết việc làm, đạt 74,9 % kế hoạch năm và 110.105 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 84,6% kế hoạch năm.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/7/2018, trên địa bàn thành phố có 16.420 người nộp hồ sơ đề nghị

hưởng trợ cấp thất nghiệp, 17.179 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 16.436 người được tư vấn, giới thiệu việc làm, 2.209 người được hỗ trợ học nghề.

Trong 8 tháng đầu năm 2018, đã có 92.984 lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, 86.638 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 93.077 người được tư vấn, giới thiệu việc làm, 11.110 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 8 và 8 tháng năm 2018.



CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733